TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 267/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 7 -2023.
V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Thành Chúng;

2/ Ông Huỳnh Trường Huân

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàn Mỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên toà: Ông Chau San - Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2023/TLST-HN&GĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 về: *"Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 241/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 298/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Ngọc T**, sinh năm 2000 - Địa chỉ: SN 180, ấp LT, xã L, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông **Lê Văn G**, sinh năm 1996 - Địa chỉ: Tổ 07, ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông G vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà T trình bày: Hôn nhân của bà và ông G xác lập trên cơ sở tự tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang (theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30, ngày 27/02/2018).

Quá trình chung sống, bà T cho biết thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn với ông G.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Lê Thị Như Y, sinh ngày 06/12/2018. Hiện nay con đang ở với ông G. Khi ly hôn bà đồng ý để ông G tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông G theo quy định nhưng ông không tham gia hoà giải và không có ý kiến.

Kết quả xác minh tình trạng cư trú của ông G thể hiện: Ông vẫn còn sinh sống tại ấp P, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu ý kiến. Ông G vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong quá trình hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ, xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng… là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Đối với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà không có thành viên nào thuộc đối tượng phải thay đổi, tại phiên tòa thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân giữa bà T và ông G có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Về nguyên nhân mâu thuẫn là có xảy ra, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về con chung: Đang do ông G nuôi dạy. Con chung chưa đủ 07 tuổi đang sống với cha, bà T không tranh chấp quyền nuôi con và để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển, ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, giao con chung cho ông G được tiếp tục nuôi dạy.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T xin không cấp dưỡng nuôi con chung, ông G không có ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà T, ông G không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông G. Ông G đang cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Ông G được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, bà T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Xét yêu cầu của bà T xin ly hôn với ông G thì thấy: Hôn nhân của ông bà được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định nên có giá trị pháp lý và làm phát sinh các quyền, nghĩa vụ của vợ chồng với nhau theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo bà T thì do bất đồng quan điểm sống, không có sự hòa hợp. Mặc dù Tòa án đã mở phiên hòa giải để động viên, hàn gắn lại tình cảm gia đình nhưng bà T không đồng ý đoàn tụ, ông G không tham gia

hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa. Điều này cho thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung:

Có 01 con chung Lê Thị Như Y, sinh ngày 06/12/2018. Tính đến thời điểm xét xử thì con chung chưa đủ 07 tuổi và hiện đang sống chung với cha, bà T không tranh chấp quyền nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định về tâm sinh lý của con, Hội đồng xét xử quyết định giao ông G được tiếp tục nuôi dạy các con.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:

Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Ông G không có ý kiến về nghĩa vụ cấp dưỡng, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung:

Do bà T không yêu cầu, ông G không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, không đề cập trong phần quyết định. Trường hợp sau này cả hai có tranh chấp về việc chia tài sản chung, giải quyết các khoản nợ chung thì có quyền khởi kiện trong vụ án khác.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, 56, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Lê Văn G.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 30 do Ủy ban nhân dân xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang cấp ngày 27/02/2018 không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông G được nuôi dạy con chung tên Lê Thị Như Y, sinh ngày 06/12/2018 đang sống chung với ông.

Ông G cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật hoặc hạn chế quyền của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về án phí: Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ từ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0008314 ngày 18/5/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quang Bảo

***Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS H.AP (2);
- THA H.AP (1);
- UBND xã PH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS + VP (1).